Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8445.19.30

Mã HS	8445.19.30
Mô tả hàng hóa	Máy chuẩn bị xơ sợi dệt; máy kéo sợi, máy đậu sợi hoặc máy xe sợi và các loại máy khác dùng cho sản xuất sợi dệt; máy guồng hoặc máy đánh ống sợi dệt (kể cả máy đánh suốt sợi ngang) và các loại máy chuẩn bị sợi dệt dùng cho máy thuộc nhóm 84.46 hoặc 84.47 / - Máy chuẩn bị xơ sợi dệt: / - - Loại khác: / - - - Máy tách hạt bông
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 13:07:32
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84451930/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13940
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13940
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13940
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	2,7	2,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13257
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13198
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13198
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13198
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13198
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13198
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13198
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13252
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13252
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13252
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13252

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13252
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13252
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13253
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13253
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13253
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13253
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13253
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13253
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13256
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13204
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F13212
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G13212
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H13212
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I13212
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J13212
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K13212
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13243
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13243
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13243
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13243
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13243
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13243
VCFTA	2022	2022	5	VC!D13292
VCFTA	2023	2023	5	VC!E13292
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13292
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13292

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13292
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13292
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13275
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13275
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13275
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13275
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13275
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13275
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D13275
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E13275
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F13275
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G13275
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H13275
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13275
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D13290
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E13290
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F13290
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13290
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13290
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13290
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D13289
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E13289
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F13289
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13289
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13289
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13289

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13269
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13269
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13269
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13269
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13269
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13269
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13269
RCEP A	2022	2022	4,5	RCEPT-A!D13277
RCEP A	2023	2023	4	RCEPT-A!E13277
RCEP A	2024	2024	3,5	RCEPT-A!F13277
RCEP A	2025	2025	3	RCEPT-A!G13277
RCEP A	2026	2026	2,5	RCEPT-A!H13277
RCEP A	2027	2027	2	RCEPT-A!I13277
RCEP B	2022	2022	4,5	B!D13277
RCEP B	2023	2023	4	B!E13277
RCEP B	2024	2024	3,5	B!F13277
RCEP B	2025	2025	3	B!G13277
RCEP B	2026	2026	2,5	B!H13277
RCEP B	2027	2027	2	B!I13277
RCEP C	2022	2022	4,5	C!D13277
RCEP C	2023	2023	4	C!E13277
RCEP C	2024	2024	3,5	C!F13277
RCEP C	2025	2025	3	C!G13277
RCEP C	2026	2026	2,5	C!H13277
RCEP C	2027	2027	2	C!I13277
RCEP D	2022	2022	4,5	D!D13276

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	4,1	D!E13276
RCEP D	2024	2024	3,6	D!F13276
RCEP D	2025	2025	3,2	D!G13276
RCEP D	2026	2026	2,7	D!H13276
RCEP D	2027	2027	2,3	D!I13276
RCEP E	2022	2022	4,5	E!D13280
RCEP E	2023	2023	4	E!E13280
RCEP E	2024	2024	3,5	E!F13280
RCEP E	2025	2025	3	E!G13280
RCEP E	2026	2026	2,5	E!H13280
RCEP E	2027	2027	2	E!I13280
RCEP F	2022	2022	4,5	F!D13277
RCEP F	2023	2023	4	F!E13277
RCEP F	2024	2024	3,5	F!F13277
RCEP F	2025	2025	3	F!G13277
RCEP F	2026	2026	2,5	F!H13277
RCEP F	2027	2027	2	F!I13277
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12318
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12318
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12318
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12318

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AIFTA 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (5%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 5%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8445.19 có 3 dòng thuế; dòng 8445.19.30 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Máy tách hạt bông.	8445.19.40 Loại khác, hoạt động bằng điện; 8445.19.50 Loại khác, không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8445.19.30. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8445.19.30 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13940), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.